

## LUẬT HAMMURABI - NHỮNG ĐIỂM TIẾN BỘ VÀ HẠN CHẾ

**Dương Thị Huyền\***

*Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Bộ luật Hammurabi ở Lưỡng Hà thời cổ đại là bộ luật thành văn tương đối hoàn chỉnh đầu tiên trong lịch sử nhân loại. Bộ luật đề cập đến các vấn đề về hình sự, về quyền thừa kế tài sản, về gia đình, về nô lệ, về lĩnh canh ruộng đất... Trong từng điều luật cụ thể, giá trị nhân văn của bộ luật được thể hiện qua những quan điểm về cách đối xử với con người, đặc biệt là về phụ nữ và trẻ em, bảo vệ quyền lợi của người tự do và của giai cấp chủ nô... Những điểm tiến bộ đó đã làm nên giá trị to lớn của bộ luật này.

**Từ khóa:** *Luật Hammurabi, luật hình sự, dân sự, hôn nhân, gia đình*

Lưỡng Hà (Mesopotamie) là tên mà người Hy Lạp đặt cho vùng đồng bằng nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates. Từ xa xưa Lưỡng Hà đã nổi tiếng là vùng đất phì nhiêu, thuận lợi cho nền sản xuất nông nghiệp trồng nho, ô liu, đại mạch, chà là và nhiều loại hoa quả khác. Cũng chính vì thế, cư dân đã sớm tập trung ở đây và sinh sống. Lãnh thổ Lưỡng Hà tương đối bằng phẳng và dễ ngò ở mọi phía nên tạo điều kiện cho các tộc người bên ngoài thường xuyên xâm nhập vào lãnh thổ Lưỡng Hà. Chính vì vậy, nền văn minh Lưỡng Hà không phải là nền văn minh thuần túy của một dân tộc duy nhất mà là sự tổng hợp nhiều nền văn minh của nhiều tộc người từng định cư ở khu vực này như Sumer, Akkad, Chaldea... Trong đó, thời kỳ phát triển hoàng kim nhất trong lịch sử Lưỡng Hà là thời kỳ của vương quốc Babylon của người Amorites (từ đầu thế kỷ XIX TCN đến đầu thế kỷ XVI TCN). Vương quốc Babylon cường thịnh nhất dưới thời trị vì của vua Hammurabi (1792-1750 TCN). Thời kỳ này, người Amorites đã quét sạch thế lực của người Elam ở miền Tây, chinh phục các quốc gia đồng tộc xung quanh Lưỡng Hà, thống nhất toàn bộ lãnh thổ Lưỡng Hà rộng lớn. Do đó, việc biên soạn bộ luật nhằm thống nhất lãnh thổ là điều tối cần thiết trong lịch sử Lưỡng Hà thời Babylon. Luật pháp vì thế trở thành công cụ hữu hiệu của nhà nước Babylon.

Lưỡng Hà cũng như hầu hết các quốc gia cổ đại phương Đông khác đều phát triển kinh tế

trên cơ chế “*dĩ nông vi bản*”. Nhưng dưới thời kỳ Babylon, nền kinh tế hàng hóa khá phát triển bởi địa hình Lưỡng Hà khá bằng phẳng và dễ ngò ở mọi phía. Babylon nhanh chóng trở thành trung tâm buôn bán của Lưỡng Hà và Trung Cận Đông. Lưỡng Hà không chỉ phát triển nội thương mà giao lưu buôn bán với bên ngoài không ngừng được đẩy mạnh. Quan hệ hàng hóa càng phát triển và đa dạng, những tranh chấp dân sự càng nhiều và phức tạp là điều không tránh khỏi. Do đó, đòi hỏi quan hệ pháp luật cũng phải đa dạng và phong phú. Luật pháp đến lượt nó là một yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển. Luật pháp trở thành nhân tố quan trọng của nền văn minh Lưỡng Hà thời kỳ Babylon.

Lưỡng Hà nói riêng và các quốc gia cổ đại phương Đông nói chung đều theo mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Quyền lực tập trung trong tay vua (hoàng đế) từ quyền lập pháp, hành pháp đến tư pháp. Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia cổ đại phương Đông chưa có luật pháp thành văn. Luật lệ hoàn toàn do Hoàng đế đặt ra. Những quyết định của bản án lớn cũng là Hoàng đế, những án tử hình là do đích thân vua duyệt, cho nên ý vua là luật. Do đó, luật pháp phương Đông còn nhiều hạn chế, chưa thực sự dân chủ như luật pháp phương Tây. Trong bối cảnh đó, nền văn minh Lưỡng Hà nổi bật lên không chỉ bởi những thành tựu rực rỡ về chữ viết, văn học, kiến trúc, nghệ thuật ... mà còn bởi đây là khu vực xuất hiện bộ

\* Tel: 0975702362; Email: duonghuyen.sudhkh@gmail.com

luật thành văn sớm nhất trong lịch sử văn minh nhân loại, bộ luật mang tên của vị vua ban hành luật- Hammurabi.

Luật Hammurabi là một trong những thành tựu văn minh nổi bật của người Lưỡng Hà nên được rất nhiều nhà khoa học tập trung nghiên cứu. Nhưng hầu hết các tác giả đều đi sâu nghiên cứu về các phạm vi điều chỉnh của luật, những nội dung kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của người Lưỡng Hà được phản ánh trong bộ luật. Do đó, trong phạm vi bài viết này, tác giả từ góc nhìn của lịch sử đi sâu vào việc nghiên cứu, làm rõ những điểm tiến bộ và những mặt hạn chế của bộ luật so với luật pháp của các quốc gia cổ đại phương Đông khác. Bên cạnh đó, bài viết cũng nhấn mạnh bộ luật còn chứa đựng nhiều nội dung tiến bộ và phát triển hơn so với luật pháp của các khu vực khác trên thế giới thời trung đại và cận đại.

#### KHÁI QUÁT LUẬT HAMMURABI

Bộ luật Hammurabi được ghi bằng văn tự hình đinh xưa nhất trên tấm đá badan cao 2,25m và đường kính đáy gần 2m. Các nhà khảo cổ học Pháp đã tìm thấy cột đá này vào năm 1902 ở di chỉ của thành phố Susa, kinh đô xưa của người Elam (phía Đông Lưỡng Hà) và hiện được lưu giữ tại viện bảo tàng Louvre (Pháp). Ở mặt trước và phía trên của tấm bia khắc mô tả hình thần Mặt trời Samát ngồi trên ngai vàng trao cho vua Hammurabi đứng với tư thế nghiêm trang trước thần bộ luật. Hammurabi đã ý thức sâu sắc kết hợp thần quyền, vương quyền và pháp quyền khiến bộ luật trở nên được “thiêng hóa” nhằm đạt được mục đích cai trị dân chúng.

Bộ luật gồm 282 điều khoản nhưng chỉ còn lại trên tấm bia 247 điều khoản. Năm cột gồm 35 điều luật có lẽ bị quân xâm lược Elam cạo đi. Quân Elam đưa di tích này về Susa như là một chiến lợi phẩm. Nhờ những bản sao lại mà các thư ký và các thầy kiện cổ Babylon dùng cho mục đích giảng dạy cũng như trong thực hành xử kiện và nhờ nhiều tài liệu có liên quan tìm thấy ở Susa và ảnh hưởng rộng lớn của bộ luật ở khắp miền Tây Á mà người ta khôi phục lại được phần đã mất của bộ luật.

*Về nguồn gốc*, trong khu vực Lưỡng Hà, trước bộ luật Hammurabi đã có bộ luật Sumer, bộ luật của Eshnunna, do đó, bộ luật Hammurabi là sự phát triển tiếp tục và chép lại các điều luật thời cổ Sumer có ảnh hưởng mạnh mẽ tới pháp chế Babylon. Bộ luật tỏ ra có hệ thống hơn so với các quyết án của Sumer cổ, trong đó thấy được ý định của người viết luật là muốn thống nhất những nhóm điều luật có nội dung giống nhau. Ngoài ra, bộ luật này còn có nguồn gốc từ những quyết định của tòa án và các phán quyết của tòa án cao cấp lúc bấy giờ và những mệnh lệnh, chiếu chỉ của nhà vua. Như vậy, bộ luật Hammurabi không phải là một thể chế hay hệ thống luật đầy đủ; hơn nữa nó là sự sưu tập những luật và chiếu chỉ mà Hammurabi cho rằng cần được trình bày lại.

*Về cơ cấu*, bộ luật Hammurabi bao gồm gần 300 phần được cấu kết kỹ càng hơn bất kỳ bộ luật nào trước đó mà chúng ta được biết, bao gồm ba phần chính: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Phần mở đầu của bộ luật khẳng định rằng đất nước Babylon là một vương quốc do các thần linh tạo ra. Và chính các thần linh này đã trao đất nước cho vua Hammurabi để thống trị, làm cho đất nước giàu có, nhân dân no đủ. Hammurabi kể công lao của mình đối với đất nước: “*vì hạnh phúc của loài người, thần Anu (thần Trời) và thần Enlil (thần Đất) đã ra lệnh cho trẫm, Hammurabi một vị vua quang minh và ngoan đạo, phát huy chính nghĩa ở đời, diệt trừ những kẻ gian ác không tuân theo pháp luật, làm cho kẻ mạnh không hà hiếp người yếu, làm cho trẫm giống như thần Samát (thần Mặt Trời, ánh sáng và xét xử), soi đến dân đen, tỏ ánh sáng khắp mặt đất*”. Vượt ra khỏi hạn chế lịch sử, giá trị xã hội của bộ luật được thể hiện ngay ở mục đích ban hành luật “*để cho người mạnh không hà hiếp kẻ yếu, để cho những người cô quả có chỗ nương tựa ở thành Babylon, nơi mà thủ lĩnh của nó được thần Anu và thần Enlil khen ngợi, ở đền Exajin mà nền móng của nó lâu bền cùng với trời đất, để cho tòa án trong nước tiện việc xét xử, để cho sự tuyên án trong nước tiện việc quyết định, để cho những*

*kẻ bị thiệt thòi được trình bày chính nghĩa, trâm khắc những lời vàng ngọc của trâm lên cột đá của trâm trước bức tượng của trâm cũng tức là bức tượng của một vị vua công bằng*". Đây là giá trị nhân văn cao cả của bộ luật mà không phải tất cả các bộ luật thời cổ đại ở phương Đông đều có được.

Phần nội dung chứa đựng 282 điều luật – đây là phần chủ yếu của bộ luật. Nội dung của bộ luật chưa phân chia thành từng ngành luật riêng biệt, nhưng tác giả của bộ luật đã có ý thức sắp xếp các điều khoản ra từng nhóm riêng theo nội dung của chúng. Điều này thuận tiện cho việc tìm hiểu và xét xử. Luật Hammurabi là một bộ luật tổng hợp được xây dựng dưới dạng luật hình, bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh nhiều lĩnh vực, chủ yếu là những quan hệ xã hội liên quan đến lợi ích của giai cấp thống trị. Phần nội dung, bộ luật tập trung điều chỉnh bốn lĩnh vực chủ yếu là dân sự, hình sự, hôn nhân gia đình và tổ tụng nhưng không có sự tách rời giữa các lĩnh vực. Các qui phạm của luật Hammurabi cũng giống như các bộ luật khác ở phương Đông là mang tính hàm hỗn, các điều luật đều kèm theo chế tài. Ở mỗi nội dung của điều luật đều chứa đựng những điểm tiến bộ và hạn chế so với luật pháp của các quốc gia cổ đại khác.

Trong phần kết luận, Hammurabi đề cao công lao của mình trước nhân dân, kêu gọi những ông vua kế tục đền ơn và thực hiện những điều luật của Hammurabi: *"Đây là pháp luật do đức vua Hammurabi bách thắng đặt ra để đem lại hạnh phúc cho dân chính và đặt nền thống trị nhân từ trong nước"*. *"Từ nay đến ngàn đời sau, các vua trong nước phải tuân theo những lời chính nghĩa của trâm đã khắc trên cột đá của trâm, không được thay đổi việc xét xử do trâm đã quyết định"*. Đồng thời, Hammurabi tuyên bố sẽ trừng trị tất cả những ai xem thường và có ý định hủy bỏ bộ luật. Điều đó phần nào chứng tỏ vai trò to lớn của bộ luật này đối với sự phát triển toàn thịnh của đất nước Lưỡng Hà thời Babylon.

## NHỮNG ĐIỂM TIẾN BỘ VÀ HẠN CHẾ CỦA BỘ LUẬT HAMMURABI

### Về dân sự

Những điểm tiến bộ, đặc sắc nhất của bộ luật này chính là các qui định về dân sự. Bộ luật đã đặc biệt chú ý điều chỉnh quan hệ hợp đồng vì đây là quan hệ phổ biến ở xã hội Lưỡng Hà cổ đại, có nhiều quy định không những tiến bộ về nội dung mà còn chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp.

Về hợp đồng mua bán, luật quy định ba điều kiện bắt buộc đối với hợp đồng mua bán là:

Thứ nhất, người bán phải là chủ thực sự của tài sản (điều 7: Nếu dân tự do mua của con hoặc nô lệ của dân tự do hoặc trừ giúp hoặc cho họ bạc hoặc vàng hoặc nô lệ, hoặc nữ nô lệ, hoặc bò, hoặc cừu, hoặc lừa, hoặc bất cứ vật gì, mà không có người làm chứng hoặc giấy chứng nhận thì tức là ăn trộm, sẽ bị xử tử.)

Thứ 2, tài sản phải có giá trị sử dụng (Điều 108: Nếu mụ hàng rượu không chịu lấy thóc khi bán rượu xikêra mà lại dùng cân giả để lấy bạc và số lượng rượu xikêra quy định lại thấp hơn số lượng thóc quy định thì mụ hàng rượu đó bị tố giác và bị ném vào lửa).

Thứ 3, hợp đồng phải có người làm chứng (điều 7)

Nếu thiếu một trong ba điều kiện trên thì hợp đồng không có giá trị. Người vi phạm những quy định này sẽ bị xử phạt rất nặng, có khi phải đánh đổi bằng cả mạng sống. Quy định này rất tiến bộ và chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi cho người mua và tránh gian lận trong buôn bán. Điều này thể hiện rõ giá trị thực tiễn cao trong các quy định của bộ luật.

Về hợp đồng vay mượn, luật quy định mức lãi suất khác nhau đối với từng loại: vay thóc và vay tiền (Điều 89: Nếu tamca cho vay thóc hoặc bạc lấy lãi, thì mỗi guru (1 guru= 121 lít) có thể lấy lại 100 ca thóc (1 ca= 0,4 lít đến 0,8 lít) . Nếu cho vay bạc trắng thì mỗi xikêra bạc (1 xikêra = 8 cm<sup>3</sup> = 180 sêun, 1 sêun = 1.05 cm<sup>3</sup>) có thể lấy lại 1/6 và 6 sêun). Nếu người cho vay lấy lãi xuất cao hơn mức quy định thì sẽ mất vật cho vay (Điều 91: Nếu tamca không tuân theo quy định là thóc thì mỗi guru lấy lại 100 ca, bạc trắng thì mỗi

xikho lấy lại 1/6 xikho và 6 sêun mà tăng thêm lợi tức thì người này bị mất vật đã cho vay). Luật cũng quy định, khi cho vay, dùng thân thể con người làm vật bảo đảm hợp đồng. Quy định này được thể hiện ở điều 115, 116, 117 như: *“Nếu dân tự do là chủ nợ của một người dân tự do khác, và giữ con tin của người này, mà người làm con tin vì số mệnh mà chết ở nhà người giữ mình làm con tin, thì việc đó không thể làm căn cứ để tố cáo. Mức quy định lãi xuất đối với hợp đồng vay nợ là 1/5 đối với tiền, vay thóc là 1/3”*. Đây là những quy định tiến bộ, một phần bảo vệ quyền lợi của người đi vay, một phần đảm bảo cho việc vay mượn được công bằng, tránh hiện tượng cho vay nặng lãi, không phù hợp với giá trị của vật cho vay. Nhưng trên thực tế, những ông chủ (chủ yếu là tầng lớp thương nhân) cho vay thường đẩy cao mức lãi xuất cho vay, có khi lên đến 20%. Hiện tượng cho vay nặng lãi đã khá phổ biến ở Lưỡng Hà. Đó cũng là nguyên nhân thúc đẩy thương nghiệp ở Lưỡng Hà phát triển hơn các quốc gia khác.

Về hợp đồng lĩnh canh ruộng đất, luật quy định mức thu tô đối với từng loại lĩnh canh: vườn và ruộng. Đối với những vườn trồng cây chà là, người trồng vườn phải nộp 2/3 số thu hoạch trong vườn mà mình quản lý cho chủ vườn, còn mình được 1/3 (điều 64). Đối với đất ruộng thì căn cứ theo thu hoạch để thu tô 1/2 hay 1/3 thì thu hoạch của ruộng đất sẽ do nông dân và chủ ruộng căn cứ theo tỉ lệ đã định để chia nhau (điều 48). Ngoài ra, điều 42, 43, 44 của luật cũng quy định trách nhiệm của người lĩnh canh trong trường hợp không chuyên canh tác: Nếu không cây cấy mà để ruộng bỏ hoang, thì người này phải căn cứ theo người bên cạnh để nộp thóc cho chủ ruộng và còn phải cày bừa ruộng đã bỏ hoang cho bằng phẳng rồi trả lại cho ruộng. Quy định này đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp được đều đặn, tránh hiện tượng bỏ hoang ruộng đất, bởi sản xuất nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của không chỉ Lưỡng Hà mà còn của hầu hết các quốc gia cổ đại phương Đông khác. Do đó, luật pháp cũng đã có nhiều quy định đối với những việc liên quan đến phát triển sản xuất nông nghiệp. Dân tự do mà gây thiệt hại cho hoa màu thì đều phải

bồi thường tất cả những thiệt hại do mình gây ra, nhất là những người không chịu chăm lo cho công tác thủy lợi, bởi thủy lợi là vấn đề sống còn đối với cư dân nông nghiệp. Công tác thủy lợi không chỉ là công việc của nhà nước mà còn là việc của toàn dân. Nhà nước có trách nhiệm sửa chữa, tu bổ và phát triển các công trình thủy lợi, nhân dân có trách nhiệm bảo vệ và trông coi. Ai cố tình vi phạm sẽ bị xử lý, bồi thường, nếu không có tài sản thì phải bán thân để bồi thường thiệt hại do họ gây ra. Quy định này được thể hiện ở điều 53, 54, 55, 56: *“Nếu dân tự do lười biếng không chịu cày cấy để đắp bên ruộng của mình, do đó để đắp bị vỡ, nước ngập ruộng đất cây cấy (của công xã), thì người dân tự do có để đắp bị vỡ đó phải bồi thường số hoa màu đã bị thiệt hại”*. Nhờ những quy định đầy đủ và chặt chẽ này, sản xuất nông nghiệp ở Lưỡng Hà không ngừng phát triển, sản phẩm sản xuất ra không những đáp ứng đủ nhu cầu trong nước mà còn có dư thừa cho xuất khẩu.

Về hợp đồng gửi giữ, luật quy định khi gửi giữ phải có người làm chứng, nếu không người nhận giữ sẽ bị coi là ăn trộm và xử tử, đồng thời quy định mức thù lao gửi giữ (Điều 121: Dân tự do gửi thóc ở nhà dân tự do, thì mỗi năm cứ mỗi guru thóc phải nộp 5 ca thuế kho).

Như vậy, những quy định về quan hệ hợp đồng đã thể hiện sự chặt chẽ và tiến bộ của bộ luật, góp phần bảo vệ tài sản của cư dân trong xã hội và thúc đẩy sản xuất phát triển. Hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu vẫn đặt ra câu hỏi là vì sao kỹ thuật xây dựng luật pháp của Lưỡng Hà lại đạt đến sự hoàn thiện đến thế. Bởi trong các chế định về hợp đồng, so với luật pháp hiện đại, người ta chỉ thấy thiếu một loại hợp đồng duy nhất là hợp đồng bảo hiểm. Điều đó thể hiện trình độ kỹ thuật luật pháp khá cao của Lưỡng Hà.

Tuy nhiên, các chế tài của hợp đồng thường là các chế tài hình sự (hình phạt) khá khắc nghiệt. Bộ luật quy định nếu người bán bị người làm chứng tố cáo vật bán là của người khác thì sẽ bị tử hình. Ngược lại, nếu có người nhận vật bán là của mình bị mất nhưng không có người làm chứng thì người nhận đó cũng bị tử hình và luật cho rằng đây là tội vu

không (điều 9 và điều 11). Qua đó có thể thấy luật bảo vệ lợi ích cho giai cấp thống trị. Những kẻ giàu có cho vay mượn, thuê mướn luôn luôn được pháp luật bảo vệ, còn nhân dân lao động nghèo khổ là đối tượng trừng trị của pháp luật. Cho nên, đời sống của nhân dân ở tất cả các thời kỳ đều khổ cực như nhau. Pháp luật là do giai cấp thống trị đặt ra để bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị, còn nhân dân lao động hầu như không được bảo vệ mà luôn là đối tượng bóc lột chủ yếu của nhà nước. Đây là điểm hạn chế của luật Hammurabi cũng như của tất cả các bộ luật khác trên thế giới khi xã hội vẫn còn sự phân chia giai cấp.

### **Chế định hôn nhân và gia đình**

Hammurabi không chỉ quan tâm đến sự đền tội khắt khe. Trong số những quy định tiên bộ nhất trong bộ luật của ông là những luật về gia đình. Luật về hôn nhân và gia đình gồm 66 điều rất chi tiết về kết hôn, thoái hôn, ly hôn, vợ cả, vợ lẽ, vợ kế, nàng hầu, con nuôi kế thừa tài sản cha mẹ, di chúc... Điểm tiên bộ đầu tiên trong luật về hôn nhân và gia đình là quy định thủ tục kết hôn phải có giấy tờ. Mục đích của thủ tục này chủ yếu nhằm bảo vệ quyền lợi của người vợ khi người vợ hay người chồng đòi ly dị. Quy định này là một bước phát triển sớm trong nền văn minh Lưỡng Hà mà không phải quốc gia cổ đại phương Đông nào cũng có. Ở Ấn Độ cổ đại, từ "*cưới vợ*" đồng nghĩa với từ "*mua vợ*", cuộc hôn nhân đó không có gì đảm bảo cho người phụ nữ và người chồng Ấn Độ có toàn quyền đối với người vợ của mình. Ngay ở một số khu vực của nước ta hiện nay, vấn đề đăng ký kết hôn vẫn chưa được coi trọng.

Một quy định rất nhân đạo khác đặt trong hoàn cảnh lúc bấy giờ là: "*Người chồng không được bỏ vợ khi biết người vợ mắc bệnh phong hủi*". Với những trường hợp vợ mắc các bệnh khác, người chồng có thể lấy vợ khác nhưng vẫn phải cấp dưỡng cho vợ trước và nếu muốn, người vợ có thể rời khỏi nhà chồng và giữ lại của hồi môn của mình nghĩa là phần đóng góp của gia đình nhà gái khi cho con đi lấy chồng. Một người đàn ông góa vợ không được giữ và tiêu xài của hồi môn của người vợ quá cố mà phải để lại cho các con trai của mình. Nhưng một quả phụ lại có thể giữ của hồi môn của mình.

Hammurabi đã quy định vấn đề hôn nhân thật tỉ mỉ, rõ ràng là ông muốn bảo đảm một cuộc sống ổn định cho những thế hệ tương lai. Ông đã xử lý sự bội ước bằng cách quy định rằng: nếu một người đàn ông đã đưa tiền thách cưới cho cha vợ tương lai và sau đó lại quyết định không cưới cô gái đó nữa, cha cô gái có thể giữ lại tiền thách cưới đó. Nếu một người đàn ông muốn ly dị người vợ không sinh được con, anh ta có thể làm được điều này nhưng phải hoàn trả của hồi môn và cho cô ta một khoản tiền bằng số tiền thách cưới (điều 138). Như vậy, luật đã quan tâm bảo đảm đời sống cho những người vợ không có con, dành cho họ những điều kiện sống tối thiểu để không bị bạc đãi, không bị tước bỏ quyền sống. Điều đó chứng tỏ, Hammurabi đã công khai thừa nhận vị thế dễ bị tổn hại của phụ nữ và trẻ em trong xã hội và đã quan tâm chăm sóc, bảo vệ họ. Quan điểm này của Hammurabi vì vậy mang giá trị nhân văn rất sâu sắc.

Tuy nhiên, bộ luật này không hẳn là một tài liệu tiên bộ. Một số quyết định trong bộ luật này phản ánh một tiêu chuẩn kép về giới tính. Gia đình gia trưởng giữ một ý nghĩa lớn trong xã hội Babylon cổ. Người phụ nữ có địa vị thấp kém. Theo điều khoản 129 của bộ luật, người chồng là ông chủ, nghĩa là kẻ chiếm hữu đầy quyền hành đối với vợ mình. Người chồng mua vợ về như mua một nô lệ. Nếu không có con, người chồng có quyền ly dị, bán vợ hoặc lấy vợ lẽ. Khi phạm tội ngoại tình, chồng và vợ chịu những hình phạt khác nhau. Nếu bắt được vợ ngoại tình thì người chồng có quyền trói vợ và nhân tình của vợ ném xuống sông cho chết. Ngược lại, nếu người chồng không chung thủy thì người vợ có thể lấy của hồi môn và trở về với cha mẹ mình. Không có chỗ nào trong bộ luật này lại phát biểu rằng một người chồng sẽ phải chịu hình phạt giống như vậy nếu anh ta không trung thành với vợ. Các bản giá thú hồi đó còn cho thấy nếu người vợ chê chồng thì người chồng có thể đóng dấu nô lệ vào người vợ rồi mang đi bán. Một bức minh văn còn cho thấy rằng, người cha, người chồng có quyền không giới hạn đối với gia đình mình. Một văn kiện có nói một người tên là Samat

Daian đã bán tất cả thành viên trong gia đình gồm vợ, con và các nô lệ nam, nữ để lấy tiền trả chủ nợ. Anh ta đã bảo vệ quyền tự do của mình bằng một giá cao như thế.

Như vậy, giống như các bộ luật khác của các nước phương Đông cổ đại, bộ luật Hammurabi đã bênh vực quyền lợi cho người đàn ông và bảo vệ chế độ gia trưởng uy quyền độc đoán. Điều ấy chứng tỏ, xã hội Lưỡng Hà có sự bất bình đẳng khá sâu sắc giữa quyền lợi và địa vị của người đàn ông và phụ nữ.

### Về chế định thừa kế tài sản

Theo quan điểm của Ăng- ghen: *“là sự chuyển dịch tài sản của người chết cho người còn sống”*. Quyền thừa kế là quyền thừa hưởng tài sản của người chết để lại theo một trình tự do pháp luật quy định. Pháp luật cho phép những người thừa kế được hưởng di sản, đồng thời buộc họ phải thực hiện những nghĩa vụ tài sản của người chết. Luật Hammurabi phân làm hai hình thức thừa kế: thừa kế theo luật pháp và thừa kế theo di chúc. Ở thời kỳ đầu, hình thức chủ yếu là thừa kế theo luật, sau đó thừa kế theo di chúc trở thành phổ biến hơn.

Thừa kế theo di chúc: Di chúc là ý chí chủ quan của người có tài sản định đoạt tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Theo luật gia Ulpian thì: *“Di chúc là sự thể hiện ý chí của chúng ta và ý chí đó được thực hiện sau khi chúng ta chết”*. Bộ luật đã hạn chế quyền tự do của người viết di chúc như qui định người cha không được tước quyền thừa kế của con trai nếu người con mới phạm lỗi lần đầu và lỗi không nghiêm trọng.

Thừa kế theo pháp luật: Trong trường hợp không có di chúc hoặc di chúc vô hiệu thì di sản của người chết để lại được chia theo luật, tài sản được chuyển đến cho những người có quyền đối với tài sản đó theo luật định. Thời gian đầu, tài sản tập trung ở dòng họ và dần dần được chuyển về gia đình có quyền thừa kế và thành tài sản chung của gia đình.

Nếu trong pháp luật của một số quốc gia cổ đại phương Đông khác, quyền thừa kế chỉ thuộc về con trai thì trong luật pháp Lưỡng Hà, con trai, con gái đều được hưởng quyền thừa kế ngang nhau. Đây có thể coi là một sự

bình đẳng ít ỏi về giới ở Lưỡng Hà. Luật pháp - công cụ thể hiện tinh thần cai trị của nhà nước đã quan tâm tới quyền lợi và đời sống của người con gái khi cha mẹ mất. Điều 170 quy định: *“Nếu người vợ chính thức của dân tự do sinh con cái cho y, nữ nô lệ của y cũng sinh con cái cho y và khi người cha đang sống nói những đứa con do nữ nô lệ sinh ra là ‘con của tôi- coi những đứa con đó ngang hàng với những đứa con của người vợ chính thức thì sau khi người cha chết, những đứa con của người vợ chính thức và những đứa con của người nữ nô lệ phải cùng nhau chia đều gia tài của cha. Khi chia tài sản, con của người vợ chính thức được ưu tiên chọn phần của mình”*. Tất cả đều đã quy định rất chi tiết với mục đích bảo đảm quyền thừa kế của người con theo đúng vị trí của họ trong quan hệ với người cha.

### Về hình sự

Lĩnh vực hình sự là lĩnh vực thể hiện rõ nhất tính giai cấp và sự bất bình đẳng. Một nguyên tắc xuyên suốt và thể hiện rõ trong bộ luật là nguyên tắc bảo vệ quyền lợi, địa vị của người chồng, người cha trong gia đình. Bộ luật đã thể hiện địa vị thấp kém và dễ bị xâm hại của người phụ nữ ở xã hội Lưỡng Hà cổ đại. Về vấn đề này, chế định về hôn nhân và gia đình đã thể hiện khá rõ nét.

Chế định hình sự cũng bảo vệ các quan hệ xã hội như: quyền sở hữu, bảo vệ chế độ nô lệ, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người. Hammurabi đã công nhận ba giai cấp xã hội: giới thượng lưu (một trong những dòng họ có ruộng đất từ lâu đời), giới công dân tự do không có ruộng đất và giới nô lệ. Luật nghiêm khắc trừng phạt kẻ nào xúc phạm đến người tự do, đặc biệt là người có địa vị cao. Theo như điều 202: *“nếu một kẻ nào đó tát vào mặt một người có địa vị cao, thì kẻ ấy phải mang ra trước công chúng đánh 50 roi”*. Những hình phạt khác nhau dành cho các hành vi khác nhau cũng không đồng bộ giữa các giai cấp và tầng lớp người trong xã hội, hơn nữa chúng khác nhau tùy theo địa vị của tội nhân. Đôi khi bộ luật cho phép bồi thường bằng tiền thay cho nhục hình. Thí dụ *“Nếu một người phá hỏng mắt của người khác,*

*người ta phá hỏng mắt của hắn”, “Nếu một người phá hỏng mắt của một nô lệ, hắn chỉ phải bồi thường nửa giá cho tên nô lệ”.* Chế tài phạt tiền cũng được áp dụng, mức tiền phạt tùy vào địa vị xã hội của các đương sự.

Một điều đáng chú ý trong bộ luật Hammurabi là sự kết hợp các quy cách của tập quán cổ xưa, có nguồn gốc từ thời công xã thị tộc với các quy cách mới của pháp luật chiếm hữu nô lệ. Một bộ phận của án quyết tử hình đã được Hammurabi hợp pháp hóa. Theo điều 21, kẻ phạm tội đào tường ăn trộm cần giết chết và mang chôn ngay trước chỗ hốc bị đào. Theo điều 25, kẻ ăn trộm trong khi người ta đang chữa cháy cần phải ném vào đồng lửa ngay ở nơi phạm tội.

Tàn dư của xã hội nguyên thủy còn tồn tại được thể hiện trong bộ luật là nguyên tắc trả thù ngang bằng (đồng thái phục thù) hay còn gọi là *“luật pháp talion”*, thậm chí cho phép trừng trị cả những người không liên quan đến tội phạm. Nguyên tắc này chỉ căn cứ vào hậu quả xảy ra trên thực tế để áp dụng trách nhiệm pháp lý, chứ không xét trên phương diện mức độ lỗi và chủ thể thực hiện hành vi vi phạm. Ví như điều 196: *“Nếu dân tự do làm hỏng mắt của con của bất cứ người dân tự do nào, thì phải làm hỏng mắt của y”.* Điều 197: *“Nếu y làm gãy xương của dân tự do, thì phải làm gãy xương của y”.* Các hình phạt thật khắc nghiệt, có thể nói là tệt hại nhất và luật đền tội thật khắt khe giữa hai thành viên cùng giai cấp. Vì thế, mới có câu tục ngữ *“mắt đền mắt, răng đền răng”* làm khẩu hiệu cho những nguyên tắc của Hammurabi. Các hình thức của hình phạt thường rất dã man. Bằng phương pháp thống kê, tác giả thấy trong luật Hammurabi có nhắc tới 32 trường hợp xử tử hình. Bên cạnh đó, các hình phạt rất khắc nghiệt như chặt tay, chân, đim xuống nước, đóng đinh, thiêu.... Tính chất tương xứng trong trách nhiệm pháp luật nhấn mạnh nhiều đến trừng trị đối nhân hoặc đối vật, mà chưa đề cập đến tính giáo dục, hay tạo điều kiện để người vi phạm sửa chữa sai lầm. Ngoài ra, bộ luật còn nêu ra trách nhiệm tập thể của các thành viên công xã đối với nhà nước; quy định về trừng phạt kẻ giúp nô lệ

chạy trốn, trừng phạt những kẻ xâm phạm đến sở hữu của nhà vua, chủ nô; trừng phạt người quản gia làm thất thoát tài sản của chủ bị ném cho dã thú xé xác. Tội lấy cắp gia cầm hoặc các đồ dùng khác của chủ sẽ bị phạt từ 10 đến 30 lần giá trị thứ lấy cắp. Nếu không nộp được phạt, kẻ lấy cắp sẽ bị giết.

Điểm tiến bộ trong lĩnh vực hình sự là luật đã mạnh mẽ phân biệt phạm tội vô ý và phạm tội cố ý. Ví dụ luật ghi trong khi đầu đã làm người chết, nếu kẻ làm chết người chứng minh được rằng không cố ý giết người thì sẽ không bị tử hình, chỉ bị phạt. Đây là một trong những quy định khá khách quan trong xét xử các vụ án hình sự. Điều này làm cho luật pháp mang tính chất công bằng hơn.

### Về tố tụng

Tố tụng là thủ tục giải quyết các vụ án. Bộ luật đã có nhiều qui định về thủ tục bắt giữ, giam cầm, quy định những nguyên tắc khi xét xử như xét xử phải công khai, phải coi trọng chứng cứ, phán quyết phải thi hành nghiêm minh... Có hai quy định rất đặc thù về tố tụng của bộ luật này:

Thứ nhất là quy định về trách nhiệm của thẩm phán: *“Nếu thẩm phán xử một vụ kiện mà ra phán quyết bằng văn bản, nếu sau đó phát hiện lỗi trong văn bản là do lỗi của thẩm phán, thẩm phán sẽ phải trả 12 lần giá trị phạt tiền mà ông ta yêu cầu bồi thường trong vụ kiện, đồng thời ông ta sẽ bị buộc phải rời khỏi ghế thẩm phán vĩnh viễn mà không bao giờ có thể trở thành thẩm phán lần nữa”.* Quy định về trách nhiệm của thẩm phán như vậy trong xã hội có thể hiện sự tiến bộ sâu sắc. Quy định này khiến các thẩm phán phải làm việc khách quan, thận trọng khi xét xử các vụ án. Qua đó có thể thấy, thời kỳ này rất coi trọng công tác xét xử, coi trọng trách nhiệm xét xử công bằng của thẩm phán. Sử sách đã ca ngợi rằng, ở Lưỡng Hà cổ đại, tinh thần thượng tôn luật pháp và thói quen cầu viện công lý đã ăn sâu vào tác phong sinh hoạt của người dân nơi đây. Luật pháp của các quốc gia khác cũng cần học tập và kế thừa quy định tiến bộ này của luật Hammurabi.

Thứ hai về hình thức xét xử: “Nếu một người kiện một người khác, bị đơn sẽ phải đi đến một dòng sông và nhảy xuống, nếu anh ta bị chìm, bị dòng nước cuốn đi, nguyên đơn sẽ sở hữu nhà của bị đơn. Nhưng ngược lại, dòng sông chứng minh rằng bị đơn không có tội, tức anh ta sống sót, thì nguyên đơn sẽ bị giết chết, và bị đơn sẽ sở hữu nhà của nguyên đơn”. Như vậy, hình thức xét xử nhiều khi mang tính thần thánh (phụ thuộc vào thần linh). Thực tế cho thấy rằng, người Lưỡng Hà cổ đại bất lực trước tự nhiên, bất lực trước việc giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội, hơn nữa không phải lúc nào cũng dễ dàng có được chứng cứ xác thực khi khoa học chưa phát triển. Vì vậy, cách thức xử lý có vẻ như bất bình thường kia lại trở nên rất dễ hiểu, dễ hiểu đến mức bình thường và tự nhiên trong quan niệm, trong cách hành xử của người dân Lưỡng Hà cổ đại. Họ tin rằng đấng tối cao đã sáng tạo muôn loài, sáng tạo nên nhà nước và luật pháp nên họ chấp nhận điều đó và tin rằng thần thánh mới là người công minh nhất và là người cho họ biết thế nào là đúng, thế nào là sai, thế nào là công bằng hay không công bằng. Đây không chỉ là niềm tin của người Lưỡng Hà mà còn là niềm tin của hầu hết cư dân các quốc gia cổ đại phương Đông khác. Trong luật pháp của Ấn Độ cổ đại, ta thấy hình thức xét xử có những điểm giống với luật pháp Lưỡng Hà như lấy dầu sôi + phân bò hay rắn độc làm phép thử tội.

Bên cạnh những tiến bộ, đúng đắn, về hình thức bộ luật còn có một số hạn chế nhất định như: Luật chưa có tính khái quát cao, các quy định của luật chỉ là sự mô tả các hành vi cụ thể; Các điều khoản thường được quy định dài dòng, các câu chữ trùng lặp với nhau; Đa số các điều khoản của bộ luật đều liên quan đến hình luật, rất ít điều khoản quy định về các quan hệ dân sự hoặc nếu có thì cũng bị hình sự hóa. Trong bộ luật này, chúng ta thấy hầu hết các tội đều quy về tội tử hình, chưa tạo điều kiện cho những người phạm tội có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở lại hoàn lương.

Bộ luật xưa nhất mà ngày nay chúng ta biết đến đó là bộ luật của quốc vương Babylon Hammurabi có ảnh hưởng tới pháp chế muộn

nhất của những dân tộc cổ phương Đông khác, đặc biệt là pháp chế cổ Do Thái đã được duy trì trong kinh thánh. Mặc dù còn duy trì một vài tàn dư của tập quán pháp cổ của chế độ thị tộc và mặc dù sự sưu tập còn thiếu hệ thống đã làm cho bộ luật có một tính chất nguyên thủy rõ rệt, nhưng luật Hammurabi đã có nhiều yếu tố mới của luật pháp chiếm hữu nô lệ. Luật pháp mới này khác xa với tập quán pháp cổ xưa của thời đại thị tộc. Ý nghĩa to lớn của luật Hammurabi là ở chỗ các yếu tố mới của luật pháp chiếm hữu nô lệ trên một chừng mực nhất định đã thúc đẩy tiếp tục phá bỏ các vết tích của chế độ thị tộc và củng cố toàn bộ chế độ chiếm hữu nô lệ nói chung.

Bộ luật phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của vương quốc Babylon thời đó. Bộ luật không chỉ có ý nghĩa về mặt pháp lý mà còn là nguồn tư liệu quý, phong phú cho người đời sau biết được những giá trị vật chất và tinh thần thời ấy.

Bộ luật Hammurabi là bộ luật thành văn cổ nhất thế giới, là một trong những thành tựu có giá trị bậc nhất của lịch sử văn minh cổ đại. Giá trị của bộ luật này cho đến nay vẫn tiếp tục được nhiều nhà khoa học tập trung nghiên cứu, khai thác và kế thừa. Nghiên cứu luật pháp thế giới nói chung và luật pháp Việt Nam nói riêng, chúng ta không khỏi ngạc nhiên và trân trọng những giá trị lịch sử pháp lý của bộ luật. Mặc dù những quy định của bộ luật đã ra đời cách đây gần 4000 năm nhưng vẫn chứa đựng những điểm tiến bộ và văn minh mà luật pháp đương đại có thể kế thừa và phát huy. Chính điều đó đã góp phần làm nên giá trị rực rỡ của nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Almanach những nền văn minh thế giới*, (2006) Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
2. Nguyễn Quốc Hùng (Chủ biên), (1993) *Những nền văn minh rực rỡ cổ xưa*, Tập 1 (Ai Cập, Tây Á, Ấn Độ), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
3. Lương Ninh (chủ biên) (2005), *Lịch sử thế giới cổ đại*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội
4. Mortimer Chambers, Barbara Hanawalt, (2003) *Lịch sử văn minh phương Tây*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

# SUMMARY

## HAMMURABI LAW SYSTEM

### -THE PROGRESSIVE AND RESTRICTIVE POINTS

**Duong Thi Huyen\***

*College of Sciences – TNU*

The law system of Hammurabi in Mesopotamia ancient times was the first relatively complete written law in the human history. It referred to criminal matters, inheritance rights, the family, the slaves and the land rent. In each specific law, humanitarian values were shown through the perspective about treating people, especially women and children, protecting the benefit of free man and of slave - owner class. The progressive points had made the great value of this law.

**Key words:** *Hammurabi law, criminal law, civil, marriage, family*

Ngày nhận: 04/04/2012; Ngày phản biện:15/04/2012; Ngày duyệt đăng:12/06/2012

---

\* Tel: 0975702362; Email: duonghuyen.sudhkh@gmail.com